

Bản án số: 555/2026/HS-ST

Ngày: 11 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hà

Thẩm phán: Bà Lê Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đoàn Kim Bình
- Ông Nguyễn Văn Lâm
- Ông Đặng Phi Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 803/2026/TLST-HS, ngày 02/7/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4868/2026/QĐXXST-HS ngày 29/7/2026 đối với bị cáo:

Trần Thị Thu T; giới tính: nữ; sinh ngày 09/4/2000, tại tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long); nơi đăng ký thường trú: Ấp ĐS, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (nay là xã TS, tỉnh Vĩnh Long); nơi ở: 296/82 đường NVL, phường GV, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; Con ông TVS và bà KTHK; có chồng và 04 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh 19/8/2025; tiền án, tiền sự: không

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

Bị hại:

- Bà Trần Thanh T1, sinh năm 1944; Nơi cư trú: 296/90/20 NVL, phường GV, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);
- Ông Đồng Nhâm Đ, sinh năm 1941; Nơi cư trú: 296/90/20 NVL, phường GV, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bào chữa:

Bà Nguyễn NT – Luật sư Văn phòng luật sư HTH, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa chỉ định cho bị cáo (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Thu T có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Đồng Nhâm Đ và bà Trần Thanh T1 do ở gần nhà nhau tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh).

Khoảng đầu năm 2021, T biết con của ông Đ và bà T1 là Đồng Quốc D đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh để chờ thi hành Bản án tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nên T đưa ra thông tin có quen biết với một người tên Nguyễn Công H đang công tác tại Trại tạm giam Chí Hòa, Công an Thành phố Hồ Chí Minh và người này có khả năng tác động, can thiệp để giúp cho Đồng Quốc D được giảm hình phạt tử hình xuống tù chung thân.

Để ông Đ tin thật, T mua một sim điện thoại không chính chủ số 0901830895, lắp vào điện thoại di động hiệu Iphone 11, sau đó đăng ký tài khoản Zalo mang tên “Công H” rồi sử dụng tài khoản Zalo này giả danh Nguyễn Công H để kết bạn, nhắn tin và trao đổi với ông Đ thông qua tài khoản Zalo mang tên “Đ”.

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2021 đến cuối năm 2021, T nhiều lần đưa ra các thông tin không có thật như: cần tiền để lo cho Đồng Quốc D được giảm án tử hình xuống tù chung thân; lo cho D được ra ngoài lao động; lo chuyển nơi giam giữ từ Trại giam T30 về Nhà tạm giữ quận Gò Vấp; lo điều trị bệnh cho D do bị còng tay, còng chân dẫn đến lở loét... yêu cầu ông Đ đưa tiền để lo. Tin tưởng những thông tin do T đưa ra là thật, ông Đồng Nhâm Đ đã nhiều lần giao tiền mặt cho T với tổng số tiền là 750.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T không thực hiện bất kỳ nội dung nào như đã cam kết mà sử dụng toàn bộ số tiền vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Để tiếp tục củng cố niềm tin của ông Đ, T sử dụng điện thoại truy cập mạng Internet tải về hình ảnh một quyết định liên quan đến việc bảo lãnh, sau đó chỉnh sửa nội dung, ghi thông tin cá nhân của Đồng Quốc D rồi gửi cho ông Đ nhằm tạo dựng thông tin giả rằng đã làm thủ tục xin bảo lãnh cho D.

Sau một thời gian dài không thấy kết quả như lời T hứa, ông Đ và bà T1 yêu cầu T hoàn trả tiền. Do không có khả năng hoàn trả tiền, T tự đánh máy một giấy xác nhận với nội dung đã nhận của ông Đ số tiền 750.000.000 đồng để giao cho Nguyễn Công H lo án tù cho Đồng Quốc D nhưng người này không thực hiện và chưa hoàn trả tiền cho T. Sau khi lập xong, T ký tên và giao giấy xác nhận cho ông Đ giữ. Nghi ngờ bị T lừa đảo nên ông Đ và bà T1 làm đơn trình báo sự việc trên đến Cơ quan Công an.

Tại bản kết luận giám định số 1086/KL-KTHS ngày 17/01/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đối với chữ ký của Trần Thị Thu T, kết luận: “*chữ ký mang tên Trần Thị Thu T trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Trần Thị Thu T trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký ra*”.

Tại bản Cáo trạng số 153/CT-VKS-P2 ngày 17/6/2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bị cáo Trần Thị Thu T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T từ 12 đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về dân sự, buộc bị cáo bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu ý kiến: Thống nhất về tội danh và điều khoản áp dụng truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, mặc dù bị hại không nhớ chính xác đã đưa bao nhiêu tiền cho bị cáo nhưng bị cáo đã tự xác nhận và cam kết sẽ trả lại cho bị hại số tiền 750.000.000 đồng. Bị cáo rất có thiện chí bồi thường nhưng do chưa bán được đất, hiện đang nuôi 04 con nhỏ, hoàn cảnh rất khó khăn nên chưa thể hoàn trả tiền cho bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản đối chất, kết luận giám định, nhận dạng và các tài liệu, chứng cứ khác...có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Đầu năm 2021, Trần Thị Thu T đã đưa ra thông tin rằng có quen người với người tên Nguyễn Công H có thể giúp con trai của ông Đồng Nhâm Đ và bà Trần Thanh T1 là Đồng Quốc D (đang chờ thi hành án tử hình) được giảm án. Để tạo lòng tin, T lập tài khoản Zalo giả mạo tên “Công H”, nhiều lần đưa ra các lý do lo giảm án, chuyển trại, chữa bệnh... và nhận của ông Đồng Nhâm Đ tổng cộng 750 triệu đồng. Sau khi nhận tiền, T chiếm đoạt để tiêu xài cá nhân. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác và gây mất trật tự an toàn xã hội. Xét hành vi, mức độ phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, cần xử lý nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cân nhắc, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, hiện đang nuôi 04 con nhỏ, trong đó có 02 con chưa đủ 36 tháng tuổi (sinh ngày 20/4/2024 và 19/8/2025) nên giảm cho bị cáo một mức hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu như lời bào chữa của luật sư là có căn cứ nên chấp nhận tuy nhiên mức án không thể thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa.

[5] Về phần trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, ông Đồng Nhâm Đ và bà Trần Thanh T1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 750.000.000 đồng. Xét yêu cầu trên là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm, hiện đang nuôi 04 con nhỏ nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thu T** 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Buộc bị cáo bồi thường cho ông Đồng Nhâm Đ và bà Trần Thanh T1 số tiền 750.000.000 đồng.

Bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự cho bị cáo.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường thì hằng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và 36. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (2)
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM; (3)
- Phòng PV06 - Công an TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người tham gia tố tụng khác; (3)
- THA dân sự TP.HCM; (1)
- THA Hình sự; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (19) (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hà